

QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 1262/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường Bạch Đằng)

STT	Mã QHNS	Tên đơn vị	Dự toán	Quyết toán	Chi GD-ĐT và dạy nghề	Chi KH và CN	Chi quốc phòng	Chi AN-TTAT xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa, thông tin	Chi PT-TH, thông tấn	Chi TD-TT	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi HD của cơ quan, quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác	So sánh (%)
															Chi giao thông, thị chính	Chi NN-LN, thủy lợi, thủy sản	Sự nghiệp kinh tế khác				
A	B	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		17	18	19	19=2/1
B		TỔNG CHI	299.123.883.374	280.183.317.412	159.315.237.137		1.239.723.194	4.759.647.500	8.582.197.880	2.212.979.000	690.254.000	100.000.000	1.079.723.300	9.232.092.650	7.839.831.000	1.330.352.650		65.583.199.951	27.167.811.000	220.451.800	94%
1	1011758	Trường Tiểu học Gia Đức	7.533.630.840	7.533.630.840	7.533.630.840																100%
2	1011764	Trường Tiểu học Minh Tân	12.561.102.800	12.561.102.800	12.306.268.800														254.834.000		100%
3	1011862	Trường Tiểu học Gia Minh	4.966.701.168	4.966.701.168	4.966.701.168																100%
4	1012112	Trường Trung học cơ sở Minh Tân	10.076.893.340	10.076.893.340	10.076.893.340																100%
5	1047507	Trường Trung học cơ sở Ngũ Lão	14.020.989.849	14.020.989.849	14.020.989.849																100%
6	1047508	Trường Tiểu học Ngũ Lão	15.175.604.076	15.175.604.076	15.010.625.076														164.979.000		100%
7	1068639	Trường Trung học cơ sở Minh Đức	13.047.365.240	13.047.365.240	13.047.365.240																100%
8	1068890	Trường Tiểu học Minh Đức	12.527.561.800	12.527.561.800	12.527.561.800																100%
9	1068891	Trường Mầm non Minh Đức	10.500.984.480	10.500.984.480	10.500.984.480																100%
10	1113757	Trường mầm non Ngũ Lão	12.278.985.810	12.278.985.810	12.278.985.810																100%
11	1113764	Trường Mầm non Minh Tân	14.058.856.392	14.058.856.392	14.058.856.392																100%
12	1113765	Trường mầm non Gia Đức	7.226.578.650	7.226.578.650	7.226.578.650																100%
13	1113766	Trường mầm non Gia Minh	6.304.222.984	6.304.222.984	6.304.222.984																100%
14	1132430	Trường Trung học cơ sở Trần Nhật Duật	10.844.232.208	10.844.232.208	10.844.232.208																100%
15	1137039	Trung tâm Phục vụ Hành chính công phường Bạch Đằng	833.365.640	832.793.365														832.793.365			100%
16	1144231	Văn phòng HDND và UBND phường Bạch Đằng	64.038.675.222	57.200.681.230			1.239.723.194	4.759.647.500		996.507.000								50.060.351.736		144.451.800	89%
17	1144366	Văn phòng Đảng ủy phường Bạch Đằng	6.365.000.000	6.339.090.750														6.293.090.750		46.000.000	100%
18	1144457	Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam phường Bạch Đằng	2.413.707.000	2.413.707.000														2.383.707.000		30.000.000	100%
19	1144518	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Bạch Đằng	14.017.399.375	13.955.598.905									1.079.723.300	9.135.980.250	7.839.831.000	1.234.240.250	61.909.000	3.711.095.355	28.800.000		100%
20	1144567	Phòng Văn hóa - Xã hội phường Bạch Đằng	60.235.026.500	48.221.644.125	8.611.360.500				8.582.197.880	1.216.472.000	690.254.000	100.000.000						2.302.161.745	26.719.198.000		80%
21	1167692	Trung tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường Bạch Đằng	97.000.000	96.112.400										96.112.400		96.112.400					99%